

Ngày 31/03/2024	138,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	32.9%	55.6%	81.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	58,881 - 142,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,820
Số lượng CPLH (CP)	114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)	584,290
Sở hữu nước ngoài	10.1%
Beta	1.02
EPS	4,582
P/E	30.2

DT thuần
Q1/24

2,623

tỷ VNĐ

QoQ: ▼552| -17.4%

YoY: ▲ 284| 12.1%

LN trước thuế
Q1/24

144

tỷ VNĐ

QoQ: ▼35.0| -19.4%

YoY: ▲ 8.00| 6.1%

LN sau thuế
Q1/24

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.0| -18.8%

YoY: ▲ 7.00| 6.5%

ROA
2023

8.0%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần
2023

11,299

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,929| 20.6%

LN trước thuế
2023

645

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 90.0| 16.2%

LN sau thuế
2023

516

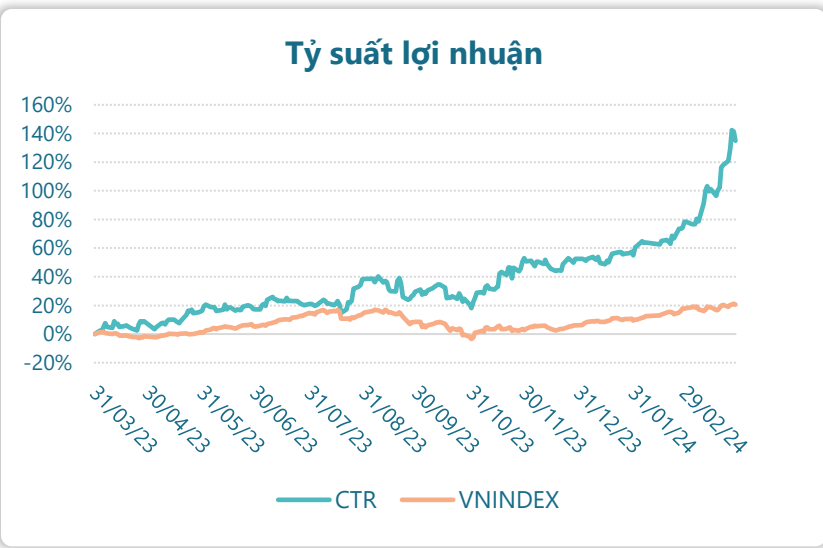
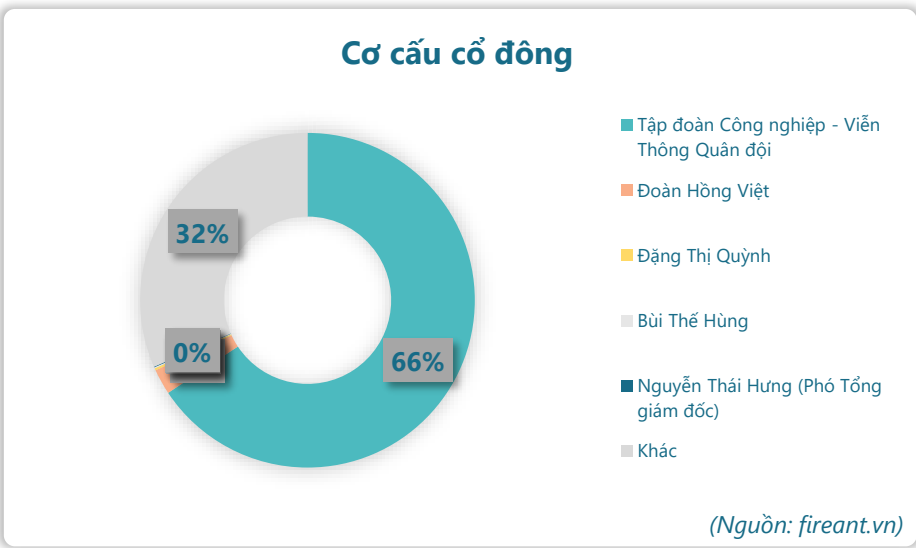
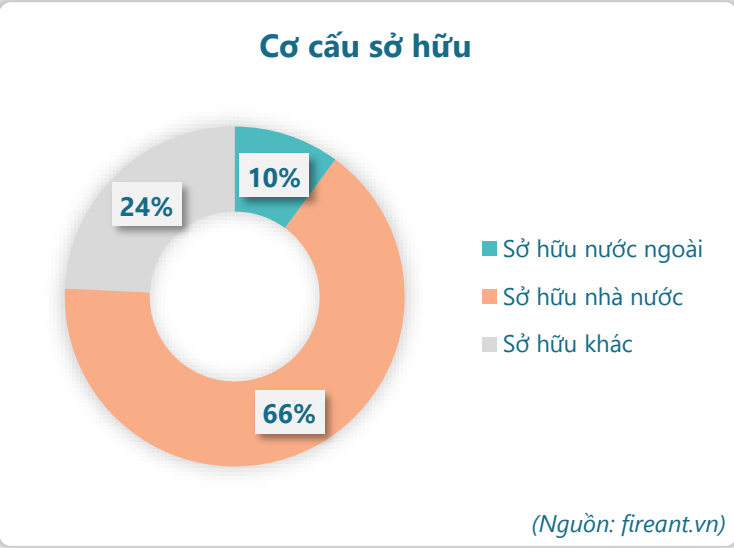
tỷ VNĐ

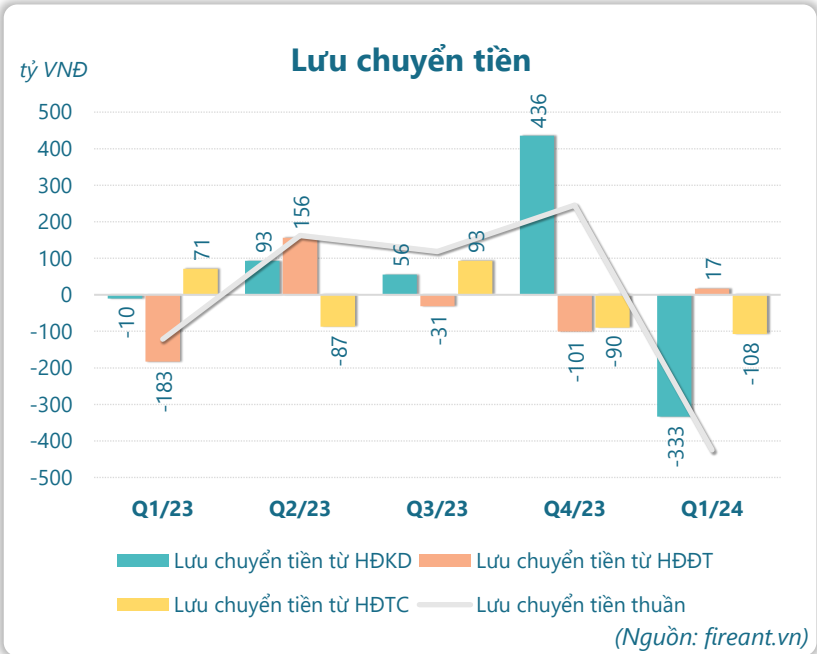
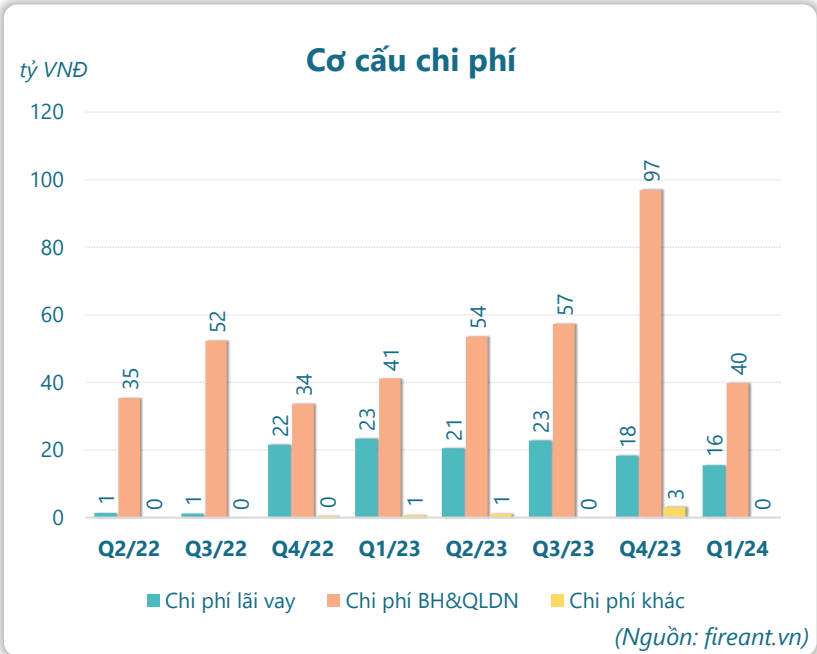
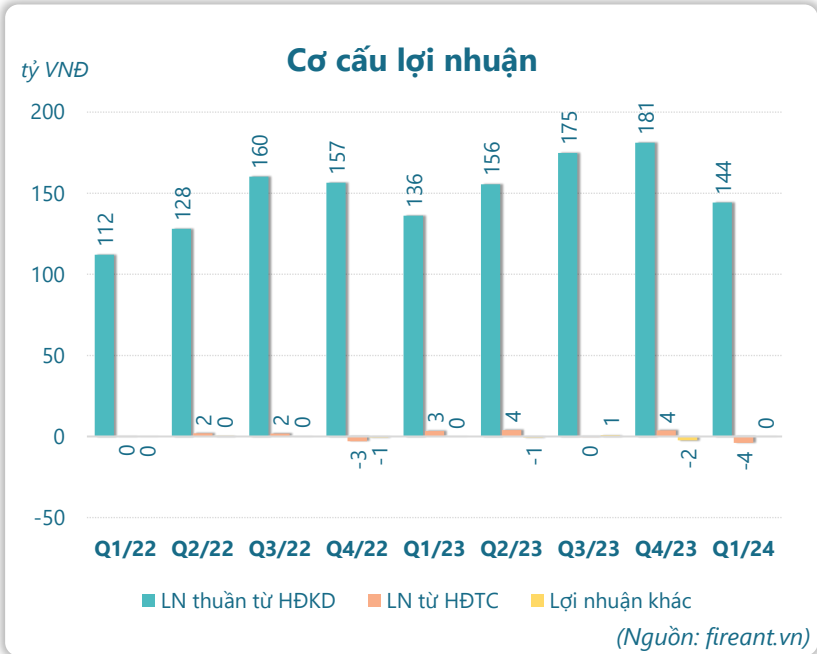
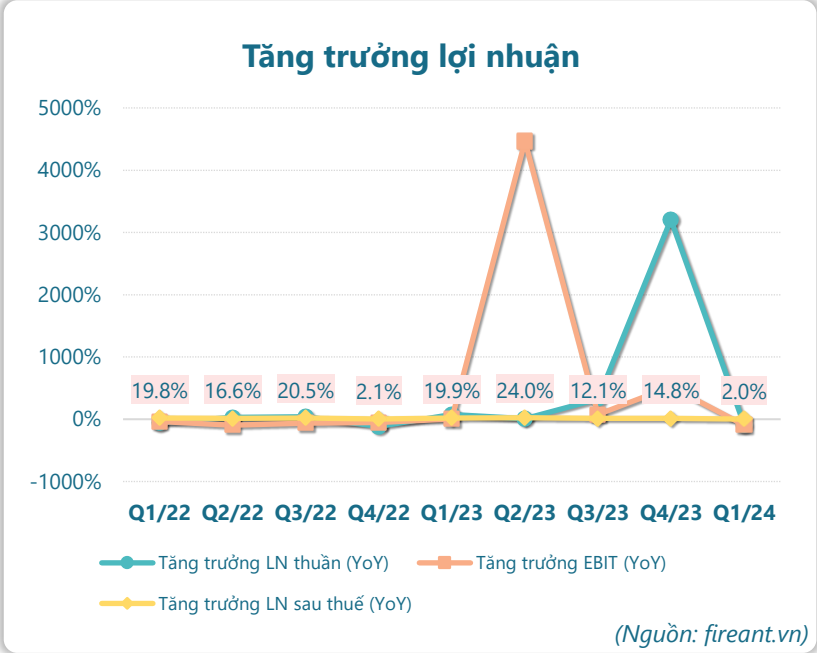
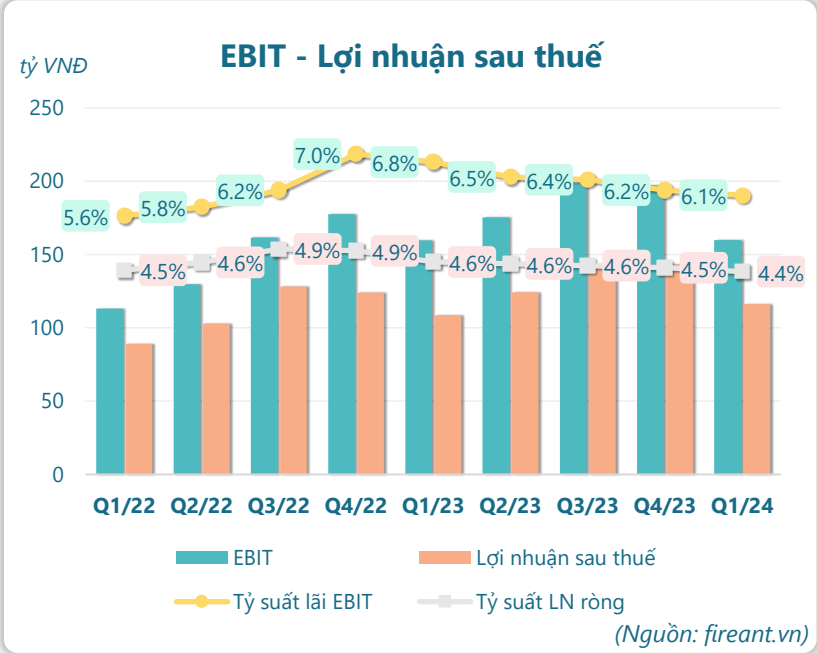
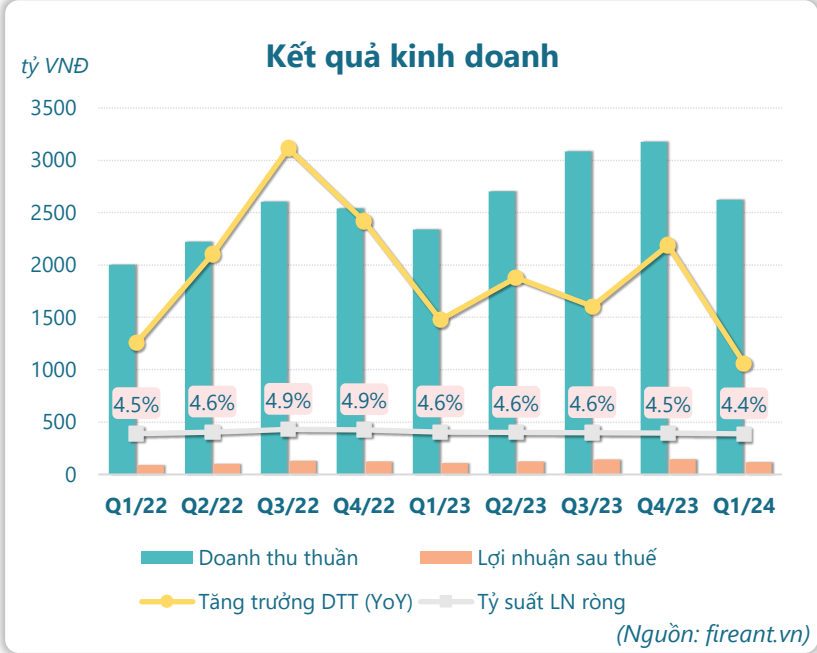
YoY: ▲ 73.0| 16.5%

ROE
2023

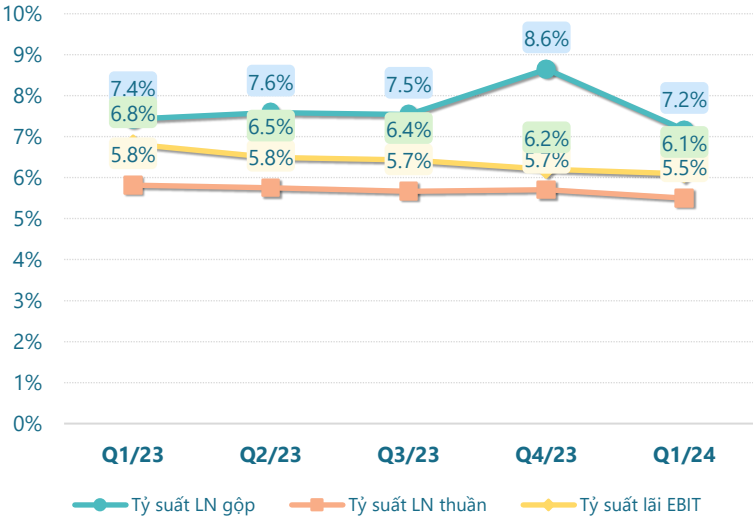
28.6%

+/- YoY: ▼ 1.6%



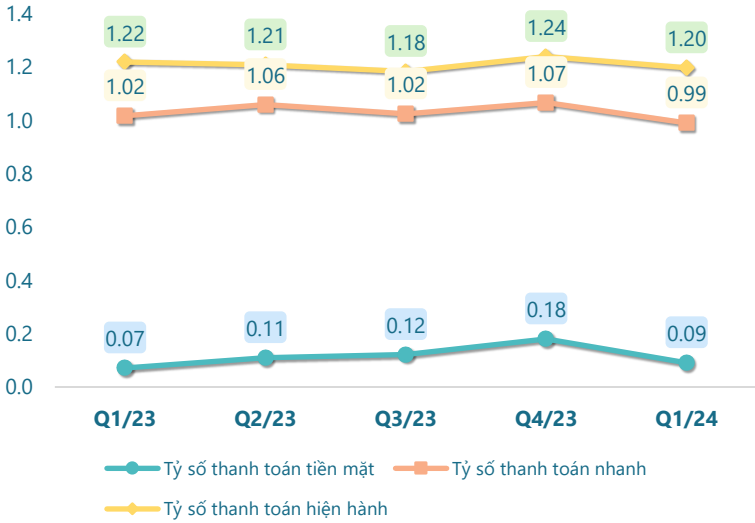


Tỷ suất lợi nhuận



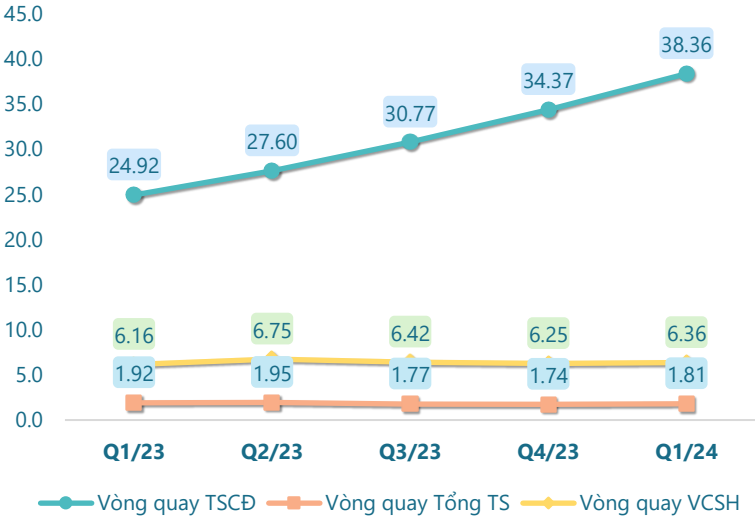
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



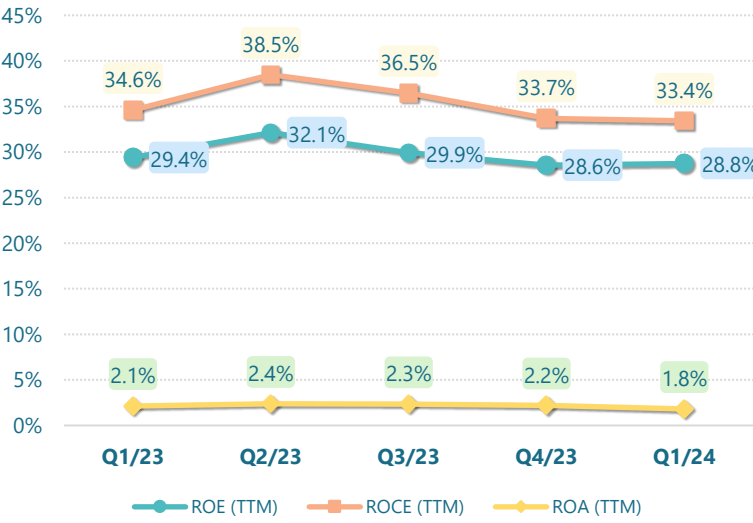
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



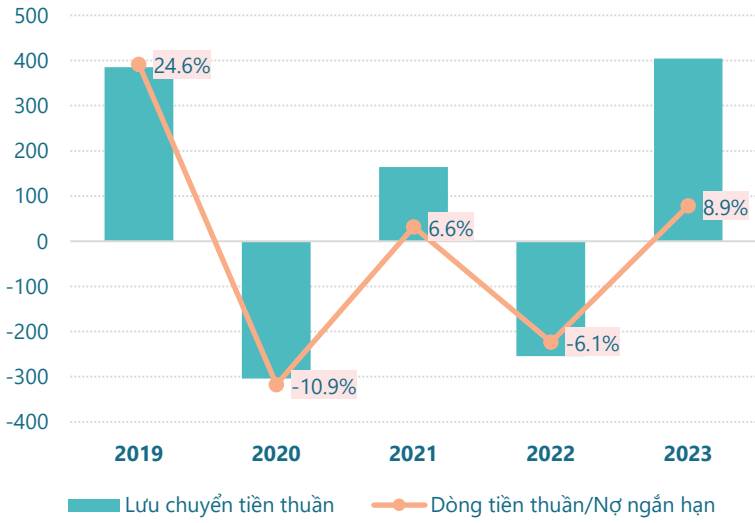
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



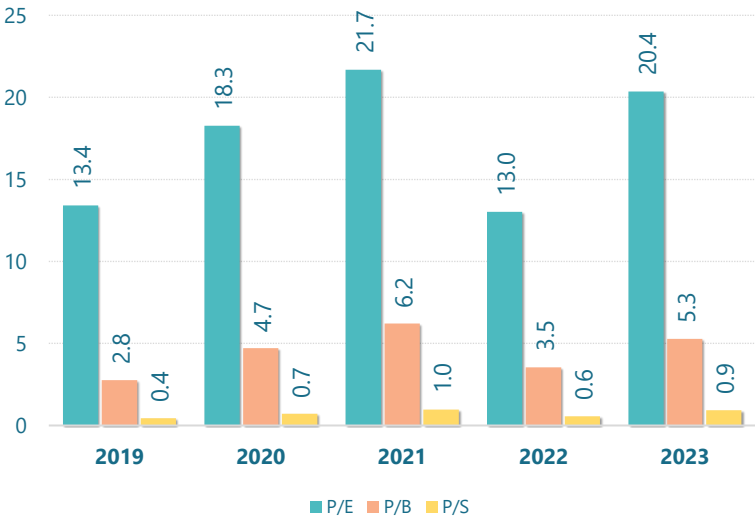
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)